

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất 12 thửa đất ở GH7 tại Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, thành phố Kon Tum

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Ban hành Quy định về tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất; đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu Nhà nước để giao đất có thu tiền sử dụng hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất; đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu Nhà nước để giao đất có thu tiền sử dụng hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ các Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Phương án Đấu giá quyền sử dụng đất 12 thửa đất ở GH7 tại Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, thành phố Kon Tum; Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Đấu giá quyền sử dụng đất 12 thửa đất ở GH7 tại Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, thành phố Kon Tum; Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá

quyền sử dụng đất 12 thửa đất ở GH7 tại Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, thành phố Kon Tum;

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Kon Tum thông báo lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất 12 thửa đất ở GH7 tại Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, thành phố Kon Tum. Cụ thể:

**1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:**

- Đơn vị có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.
- Đơn vị được giao thực hiện: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Kon Tum - Địa chỉ: Số 06 đường Ngô Thị Nhậm, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

**2. Tên tài sản, số lượng, mục đích sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất và chất lượng của tài sản đấu giá.**

2.1. Tên tài sản: Quyền sử dụng đất 12 thửa đất ở GH7 tại Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, thành phố Kon Tum.

2.2. Số lượng: 12 thửa đất/2.123,6 m<sup>2</sup>.

2.3. Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị (ODT).

2.4. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

2.5. Chất lượng của tài sản đấu giá:

- Hạ tầng kỹ thuật: Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng chung của khu vực và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt quyết toán hạng mục công trình hoàn thành tại Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2020.

- Tài sản gắn liền với đất: Không.

- Nguồn gốc đất: Đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý theo Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Điều kiện xây dựng: Theo Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đối với các lô đất C9, C16 và C17 thuộc Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, thành phố Kon Tum, cụ thể:

- Tầng cao: Tối thiểu 03 tầng ÷ Tối đa 03 tầng.

- Khoảng lùi xây dựng: Tối thiểu 3,0m so với chỉ giới đường đỏ các tuyến đường. Đồng thời, việc xây dựng công trình trên lô đất phải tuân thủ các quy định, quy chuẩn hiện hành.

- Mật độ xây dựng:

+ Thửa số 74: Mật độ xây dựng là 75%.

+ Thửa số 75: Mật độ xây dựng là 74%.

- + Thửa số 77: Mật độ xây dựng là 75%.
- + Thửa số 78: Mật độ xây dựng là 74%.
- + Thửa số 79: Mật độ xây dựng là 75%.
- + Thửa số 80: Mật độ xây dựng là 74%.
- + Thửa số 81: Mật độ xây dựng là 75%.
- + Thửa số 82: Mật độ xây dựng là 74%.
- + Thửa số 83: Mật độ xây dựng là 75%.
- + Thửa số 84: Mật độ xây dựng là 74%.
- + Thửa số 85: Mật độ xây dựng là 75%.
- + Thửa số 86: Mật độ xây dựng là 73%.

(theo quy định tại Bảng 2.8 Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng).

**3. Tổng giá khởi điểm:** 25.659.424.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi năm tỷ, sáu trăm năm mươi chín triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng chẵn).

**4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:**

Tổ chức đấu giá tài sản được đánh giá, chấm điểm dựa theo 06 nhóm tiêu chí được quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tư pháp. Cụ thể:

- Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.
- Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
- Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.
- Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.
- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
- Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

(Chi tiết theo phụ lục: Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản; các Quyết định phê duyệt Phương án đấu giá (kèm theo phương án đấu giá), Quyết định đấu giá, Quyết định phê duyệt giá khởi điểm và Sơ đồ 12 thửa đất GH7 kèm theo)

**5. Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:**

- Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản cung cấp có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản bao gồm: Thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản.

- Tổ chức đấu giá tài sản đăng ký tham gia lựa chọn chịu trách nhiệm đối với các thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình (*kèm theo 01 bộ Photo có đóng dấu treo*).

\* **Lưu ý:** Hồ sơ nộp phải được niêm phong và đóng dấu giáp lai của đơn vị ngoài bì đựng hồ sơ.

**6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:**

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày ký thông báo đến 16 giờ 30 phút ngày 20 tháng 8 năm 2024 (*trong giờ hành chính các ngày làm việc*).

- Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện (*trường hợp nộp hồ sơ qua đường Bưu điện phải đảm bảo Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Kon Tum nhận được hồ sơ trước 16 giờ 30 phút ngày 20 tháng 8 năm 2024*).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Kon Tum (*Bộ phận Kế toán*) - Số 06 đường Ngô Thì Nhậm, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Kon Tum thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết, đăng ký tham gia./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (thay b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (thay b/c);
- Văn phòng Đăng ký đất đai (đăng tải);
- Công thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (đăng tải);
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng tải);
- Trang thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (đăng tải);
- Lưu VT-QLPTQĐ(HSDG).

**GIÁM ĐỐC**

**Đặng Thị Trang**

## PHỤ LỤC

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN  
(Kèm theo Thông báo số /TB-TTPTQĐ ngày tháng năm 2024 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
<b>I</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>23,0</b>
<b>1</b>	<b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>11,0</b>
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
<b>II</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>	<b>22,0</b>
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch,	4,0

	<i>khách quan</i>	
2	<i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá</i>	4,0
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	4,0
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
<b>III</b>	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>	<b>45,0</b>
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc</i>	<b>18,0</b>

	<p><i>đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</i></p> <p><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i></p>	
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	<i>10,0</i>
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	<i>12,0</i>
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	<i>14,0</i>
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	<i>16,0</i>
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	<i>18,0</i>
3	<p><i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</i></p> <p><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i></p>	<i>5,0</i>
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	<i>3,0</i>
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	<i>4,0</i>
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	<i>5,0</i>
4	<p><i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</i></p> <p><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i></p>	<i>3,0</i>
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	<i>1,0</i>
4.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	<i>2,0</i>
4.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	<i>3,0</i>
5	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên)</i>	<b><i>4,0</i></b>

	<i>theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i>	
5.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0
5.2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0
5.3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i>	5,0
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i>	3,0
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0
8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	1,0



<b>IV</b>	<b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp</b> <b><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i></b>	<b>5,0</b>
1	<i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3,0
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
<b>V</b>	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>	<b>5,0</b>
<b>Tổng số điểm</b>		<b>100</b>
<b>VI</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>